

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17- 5-2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Khắc Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Phương, bà Trần Thị Trà Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2024 về “Tranh chấp Hôn nhân gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/5/ 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Đ, sinh ngày 15/01/1990. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Đài Loan (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Kim D, sinh ngày 20/8/1987. Địa chỉ: khối A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. (Có ý kiến xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Võ Thị Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Đ và anh Nguyễn Kim D đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà chồng. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Năm 2013, chị Đ đưa con gái về sống cùng bố mẹ tại phường T, thành phố H. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt

được nên chị [Võ Thị Đ](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh [Nguyễn Kim D](#).

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung tên là [Nguyễn Kim T](#), sinh ngày 10/12/2012. Nguyên vọng của chị [Đ](#) là muốn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh [D](#) phải cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian chị [Đ](#) ở nước ngoài, ông [Võ Văn H](#) (bố đẻ chị) tự nguyện thay chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu [Nguyễn Kim T](#).

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; vợ chồng không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị [Võ Thị Đ](#) hiện đang lao động tự do tại Đài Loan nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Ngày 16/4/2024, anh [Nguyễn Kim D1](#) có Đơn trình bày gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Nội dung đơn thể hiện: anh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 59/TB-TLVA ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh. Về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị [Võ Thị Đ](#), anh thống nhất về nội dung trình bày của chị về việc kết hôn, quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2013 đến nay, vợ chồng anh ly thân. Vì vậy tình cảm cũng không thể hàn gắn, anh [D](#) đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị [Võ Thị Đ](#), đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Đồng thời, vì lý do công việc nên anh [D](#) đề nghị Tòa án cho anh vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung tên là [Nguyễn Kim T](#), sinh ngày 10/12/2012. Anh đồng ý với nguyện vọng của chị [Đ](#) là muốn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 143, khoản 4 Điều 147, 464, 469 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị [Võ Thị Đ](#), xử cho chị được ly hôn với anh [Nguyễn Kim D](#).

Về con chung: Giao con chung [Nguyễn Kim T](#), sinh ngày 10/12/2012 cho chị [Võ Thị Đ](#) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ tròn 18 tuổi. Anh [Nguyễn Kim D](#) không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

Trong thời gian chị Đ ở nước ngoài, ông Võ Văn H (bố đẻ chị Đ) tự nguyện thay chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Kim T.

Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Võ Thị Đ phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Võ Thị Đ và anh Nguyễn Kim D đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Nay do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu không thể hàn gắn nên chị Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Kim D. Tại công văn cung cấp thông tin danh sách khách xuất nhập cảnh số 7169/QLXNC-P3 ngày 10/4/2024 của Cục Q - Bộ C, xác nhận: chị Võ Thị Đ, sinh ngày 15/01/1990; số hộ chiếu: Q00310717; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 15/9/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ các Điều 28, 37, 39; nội dung khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Võ Thị Đ hiện đang sinh sống và lao động tự do tại Đài Loan. Các giấy tờ tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị gửi về có xác nhận của Văn phòng K tại Đ. Số chứng thực: 139-3 quyền số 01/2024-SCT/CKDDC ngày 13/3/2024.

Bị đơn anh Nguyễn Kim D hiện trú tại khối A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Do điều kiện công việc nên chị Đ, anh D xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Đ và anh Nguyễn Kim D đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của chị Đ, anh D là hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Năm 2013, chị Đ đưa con gái về sống cùng bố mẹ tại

[phường T, thành phố H](#). Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị [Võ Thị Đ](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh [Nguyễn Kim D](#).

Anh [Nguyễn Kim D](#) có đơn trình bày xác về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị [Võ Thị Đ](#), anh thống nhất về nội dung trình bày của chị về việc kết hôn, quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2013 đến nay, vợ chồng anh ly thân. Vì vậy tình cảm cũng không thể hàn gắn, anh [D](#) đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị [Võ Thị Đ](#), đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị [Võ Thị Đ](#), xử cho chị được ly hôn với anh [Nguyễn Kim D](#).

[2.2] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung tên là [Nguyễn Kim T](#), sinh ngày 10/12/2012. Hiện tại, cháu đang sống cùng mẹ và ông bà ngoại, nguyện vọng của cháu là được sống cùng với mẹ. [Anh D2](#) đồng ý giao con chung cho chị [Đ](#) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Anh [Nguyễn Kim D](#) không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: các đương sự xác định không có tài sản chung nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 464, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị [Võ Thị Đ](#), xử cho chị được ly hôn với anh [Nguyễn Kim D](#).

2. Về con chung: Giao con chung là [Nguyễn Kim T](#), sinh ngày 10/12/2012 cho chị [Võ Thị Đ](#) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các con đủ tròn 18 tuổi.

Anh [Nguyễn Kim D](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Chị [Võ Thị Đ1](#) phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000832 ngày 26/3/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND phường Thạch Linh;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Khắc Hoàng

